



tū zi

秃子

noun · bald person

Example Sentences

Tā shì gè tū zi
他是个秃子。

He is a bald person.

Nà gè tū zi dài le yì dǐng mào zi
那个秃子戴了一顶帽子。

That bald person wore a hat.

Trace each character, then write the word on your own.

秃	秃	秃	秃	秃	秃	秃	秃	秃	秃
子	子	子	子	子	子				